TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1289/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04/8/2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ
2. Bà Lê Thị Tý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Ninh, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 910/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P; Sinh năm: 1983

Địa chỉ thường trú: xã Thanh Tịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Tạm trú: Hồ Học Lãm, khu phố 13, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Ông Phạm Xuân Hưng; Sinh năm: 1981

Địa chỉ thường trú: xã Thanh Tịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Tạm trú: Hồ Học Lãm, khu phố 13, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 08 tháng 11 năm 2021 của bà Phạm Thị P, và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Phạm Thị P là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Phạm Xuân H có thời gian tìm hiểu mới đi đến kết hôn. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Thanh An, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An vào năm 2007. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại địa chỉ 576/17/9 Hồ Học Lãm, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 ông bà nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, bà đã nhiều lần khuyên ngăn, mong muốn ông H quay trở về nhà hàn gắn tình cảm gia đình nH ông H không thay đổi. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và tình cảm giữa hai người không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là: Phạm Xuân Phú, sinh ngày: 14/7/2008 và Phạm Thị Gia Hân, sinh ngày: 12/8/2019.

Bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phú và Hân.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho hai con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, bà làm công nhân tại công ty Pouyuen Việt Nam với mức lương khoảng 10.000.000 đồng, ngoài ra còn buôn bán thêm thu nhập khoảng 4.000.000 đồng, đủ khả năng nuôi hai con. Từ lúc ly thân đến nay do bà là người trực tiếp nuôi con, ông H không cấp dưỡng cho con chung.

Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Ông Phạm Xuân Hưng là bị đơn trình bày: Ông và bà Phạm Thị P có thời gian tìm hiểu mới đi đến kết hôn. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Thanh An, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An vào năm 2007. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại địa chỉ 576/17/9 Hồ Học Lãm, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay ông đang tạm trú tại địa chỉ 576/23 Hồ Học Lãm, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 ông bà nảy sinh mâu thuẫn. Ông thừa nhận những mâu thuẫn như bà P trình bày là đúng. Ông biết ông là người có lỗi với bà P, ông nhận hết lỗi về bản thân. Ông chỉ mong bà P cho ông một cơ hội để thay đổi, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Do bà P không cho ông cơ hội nên ông không có P án gì để hàn gắn tình cảm với bà P. Tuy nhiên, ông vẫn mong muốn được đoàn tụ gia đình với bà P. Ông không đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là: Phạm Xuân Phú, sinh ngày: 14/7/2008 và Phạm Thị Gia Hân, sinh ngày: 12/8/2019.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông H yêu cầu bà P nhường cháu Hân cho ông trực tiếp nuôi.

Hiện nay ông H đang nuôi và buôn bán tôm tự do. Thỉnh thoảng ông đi các tỉnh để làm hồ nuôi tôm theo yêu cầu của khách hàng thường mỗi tháng 1 lần. Từ lúc ly thân thì hai con chung do bà P là người trực tiếp nuôi, do bà P đủ điều kiện nuôi con nên ông không cấp dưỡng cho con.

Ông đồng ý giao cháu Phú cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H không cấp dưỡng cho cháu Phú và không yêu cầu bà P cấp dưỡng cho cháu Hân.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu và có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến xin được đoàn tụ, nếu ly hôn thì ông H đồng ý giao hai con cho bà P nuôi dưỡng; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi hai con chung của bà Phạm Thị P. Về tài sản chung, nợ chung hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét qua đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị P, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn". Bị đơn ông Phạm Xuân Hưng có nơi cư trú tại 576/23 Hồ Học Lãm, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 10/2007, quyển số 01, ngày 07/12/2007 của Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An cùng lời khai của nguyên đơn, bị đơn về việc tự nguyện kết hôn nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị P và ông Phạm Xuân Hưng là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét qua yêu cầu xin ly hôn bà Phạm Thị P đối với ông Phạm Xuân Hưng. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, qua lời trình bày của hai bên thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà P, ông H đã phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H tính tình không chung thủy, có mối quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến thiếu sự quan tâm đến gia đình, vợ con. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình "vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Tòa án cũng đã mở phiên hòa giải và cho thời gian để tạo cơ hội cho hai bên hàn gắn tình cảm nH không thành. Ông H tuy có yêu cầu đoàn tụ nH từ tháng 8 năm 2020 đến nay, ông vẫn không có P án hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do ông H vi phạm nguyên tắc cơ bản của hôn nhân gia đình "một vợ một chồng", vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, không xây dựng được gia đình hạnh phúc, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên nay bà P yêu cầu được ly hôn với ông Hưng, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[5] Về con chung Có 02 (hai) con chung là: Phạm Xuân Phú, sinh ngày: 14/7/2008 và Phạm Thị Gia Hân, sinh ngày: 12/8/2019. Bà P yêu cầu được nuôi con 02 chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa ông H cũng đồng ý giao hai con cho bà P nuôi dưỡng.

Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là quyền và nghĩa vụ của cả cha và mẹ nH phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cái. Bà P có việc làm, có thu nhập để nuôi con. Trẻ Phạm Xuân Phú cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, trẻ Phạm Thị Gia Hân là con gái, lại còn quá nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi. Mặt khác, trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân, cả 02 con đều do bà P nuôi dưỡng mà không có sự cấp dưỡng của ông Hưng. Tại tòa, ông H cũng thừa nhận do bà P đủ điều kiện nuôi con nên ông đồng ý giao hai con cho bà P nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự ổn định tâm lý cũng như vì quyền lợi mọi mặt của con cái, căn cứ theo khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà P nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: bà P, ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về nợ chung: bà P, ông H cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Phạm Thị P chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị P đối với ông Phạm Xuân Hưng.

Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị P được ly hôn với ông Phạm Xuân Hưng.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2007, quyển số 01, ngày 07/12/2007 của Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An cấp cho bà Phạm Thị P và ông Phạm Xuân Hưng không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Phạm Thị P.

Giao 02 con chung: Phạm Xuân Phú, sinh ngày: 14/7/2008 và Phạm Thị Gia Hân, sinh ngày: 12/8/2019 cho bà Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị P tự nguyện không yêu cầu ông Phạm Xuân Hưng cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Ông Phạm Xuân Hưng có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà P, ông H đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà P, ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: bà P, ông H cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị P chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0032846 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Linh